

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 132/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc Tranh chấp thừa kế tài sản.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Đình C, sinh năm 198x

Trú tại: Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố H.

Bị đơn: Bà Phạm Thị O, sinh năm 197x

Trú tại: Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Đình C, sinh năm 193x (ông nội anh C)

2. Bà Phạm Thị K, sinh năm 193x (bà nội anh C)

3. Chị Đỗ Thị Hồng Nh, sinh năm 199x (vợ anh C)

4. Cháu Hoàng Đình T, sinh năm 200x (con ông Chh, bà O)

5. Cháu Hoàng Đình Th, sinh năm 200c (con ông Chấn, bà O)

Bà Phạm Thị O là người đại diện theo pháp luật của cháu Tấn, cháu Thọ.

6. Cháu Hoàng Đình Nguyên A, sinh năm 201x (con anh C, chị Nh)

7. Cháu Hoàng Bảo A, sinh năm 201x (con anh C, chị Nh)

Cùng trú tại: Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố H.

Anh Hoàng Đình C và chị Đỗ Thị Hồng Nh là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyên A, Bảo A.

8. Chị Hoàng Thị Quỳnh A, sinh năm 1994x

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về thời điểm mở thừa kế và người thừa kế.

1.1. Ông Hoàng Đình Ch (tức Hoàng Đình Tr) sinh năm 196x chết ngày 02/02/2012. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Hoàng Đình Ch (tức Hoàng Đình Trường) vào ngày 02/02/2012.

1.2. Ông Hoàng Đình Ch (tức Hoàng Đình Tr) chết không để lại di chúc, di sản thừa kế được chia theo quy định của pháp luật.

1.3. Người thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng Đình Ch (tức Hoàng Đình Trường) gồm: Ông Hoàng Đình Ch, bà Phạm Thị K, anh Hoàng Đình C, chị Hoàng Thị Quỳnh A, bà Phạm Thị O, cháu Hoàng Đình T và cháu Hoàng Đình Th (Cháu T, cháu Th do bà O là người đại diện theo pháp luật).

2. Về di sản thừa kế gồm:

+ Phần giá trị quyền sử dụng đất tại thửa số 72 tờ bản đồ số 84, diện tích 144m² tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố H và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà 02 tầng 01 tum xây năm 2004, công trình phụ, sân gạch, tường bao, cổng sắt. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D243014, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0923/QSDĐ/TC-UN ngày 25/08/2004, cấp cho Hộ gia đình ông Hoàng Đình Ch theo sổ hộ khẩu số 487301, có giá trị thành tiền là 799.294.802 đồng.

+ Phần giá trị quyền sử dụng đất tại thửa số 32a tờ bản đồ số 86, diện tích 137m² tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố H và tài sản gắn liền với đất gồm một số cây nhãn, cam, khế, sung và chuối. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 705029, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 45/245/QĐ-UB ngày 06/3/2008 cấp cho ông Hoàng Đình Ch, có giá trị thành tiền là 549.725.000 đồng.

+ Phần giá trị quyền sử dụng đất tại thửa số 117 tờ bản đồ số 88, diện tích 112m² tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố H và tài sản gắn liền với đất gồm 03 bức tường xây cũ và một số cây cau và chuối. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 567471, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 987/QĐ-UB/184/2006 ngày 21/9/2006 cấp cho Hộ gia đình ông Hoàng Đình Ch (tức Trường) theo sổ hộ khẩu số 750632 có giá trị thành tiền là 336.343.333 đồng.

+ Phần giá trị 03 sổ tiết kiệm có số dư cả gốc và lãi tính đến ngày 12/9/2019 là 386.598.059 đồng.

Tổng số tiền là di sản thừa kế là 2.071.961.194 đồng

3. Phần di sản thừa kế chị Hoàng Thị Quỳnh A được hưởng theo quy định của pháp luật, chị Quỳnh A đồng ý tặng cho anh Hoàng Đình C.

4. Về chia di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất thỏa thuận chia di sản thừa kế như sau:

4.1. Giao cho anh Hoàng Đình C, ông Hoàng Đình Ch, bà Phạm Thị K được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất số 72 tờ bản đồ số 84, diện tích 144m² tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố H và toàn bộ tài sản trên đất là nhà 02 tầng 01 tum và các công trình xây dựng trên đất, đã được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số D243014, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0923/QSDD/TC-UN ngày 25/08/2004, cấp cho Hộ gia đình ông Hoàng Đình Ch theo số hộ khẩu số 487301.

4.2. Giao cho bà Phạm Thị O, cháu Hoàng Đình Th và cháu Hoàng Đình T được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 02 thửa đất: Thửa số 32a tờ bản đồ số 86, diện tích 137m² và toàn bộ tài sản trên đất tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố H, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 705029, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 45/245/QĐ-UB ngày 06/3/2008 cấp cho ông Hoàng Đình Ch; Và thửa đất số 117 tờ bản đồ số 88, diện tích 112m² và toàn bộ tài sản trên đất tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố H, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 567471, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 987/QĐ-UB/184/2006 ngày 21/9/2006 cấp cho Hộ gia đình ông Hoàng Đình Ch (tức Trường) theo số hộ khẩu số 750632.

4.3. Chia cho anh Hoàng Đình C, ông Hoàng Đình Ch, bà Phạm Thị K sở hữu sổ tiết kiệm là Giấy chứng nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá, số EA 0215885; Ngày phát hành 24/11/2009, Ngày đến hạn 24/3/2010 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam với số tiền gửi 260.000.000 đồng (tính đến ngày 12/9/2019 có số dư cả gốc và lãi là 524.774.225 đồng).

4.4. Chia cho bà Phạm Thị O, cháu Hoàng Đình Th và cháu Hoàng Đình T sở hữu 02 sổ tiết kiệm là: Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn ngoại tệ USD số seri: CY 0055717; Ngày phát hành 08/11/2002, Ngày đến hạn 08/5/2003 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam với số tiền gửi là 600USD, tính đến ngày 12/9/2019 có số dư cả gốc và lãi là 840.01 USD (được quy đổi thành tiền VND là 18.580.440 đồng) và Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số seri: AAA1677249; Ngày phát hành: 22/04/2011, Ngày đến hạn: 22/07/2011 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam với số tiền gửi là 130.000.000 đồng, tính đến ngày 12/9/2019 có số dư cả gốc và lãi là 229.841.453 đồng).

4.5. Anh Hoàng Đình C, ông Hoàng Đình Ch, bà Phạm Thị K thanh toán trả bà Phạm Thị O, anh Hoàng Đình Th và anh Hoàng Đình T số tiền 138.176.166 đồng (một trăm ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

5. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký đối với diện tích đất được phân chia để điều chỉnh thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn số tiền án phí đối với người cao tuổi theo quy định của pháp luật cho ông Hoàng Đình Ch và bà Phạm Thị K mỗi người phải chịu là 7.400.000 đồng. Các đương sự thống nhất để bà Phạm Thị O chịu toàn bộ án phí của vụ án, bà Phạm Thị O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng). Trả lại cho anh Hoàng Đình C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.110.500 đồng

theo Biên lai số AA/2016/0001942 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)